

(Kèm theo Thông báo số /TB - CNKV 10 ngày tháng 8 năm 2026 của Chi nhánh khu vực 10)

Căn cứ các Quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam: số 227/QĐ-SXD ngày 10/11/2023 và số 240/QĐ-SXD ngày 05/12/2023 về phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cầu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bẩn sau nhà; Hệ thống cấp

nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào công ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số: 1939/QĐ – UBND ngày 05/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 744/QĐ-SXD ngày 30/6/2026 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Dự án: Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co.

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bắc Trà My;

Căn cứ Quyết định số: 934/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Trà Liên về việc Quyết định phê duyệt kế hoạch thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án: Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taly; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào công ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ các thông báo thu hồi đất của UBND xã Trà Liên thông báo cho các hộ gia đình có ảnh hưởng để thực hiện công trình Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taly; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào công ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; về việc thống nhất sử dụng kết quả kiểm kê tại Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng của các hộ gia đình, cá nhân đã được xác lập ngày 18/9/2024;

Căn cứ Biên bản họp xét và xác nhận tình trạng nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, vật kiến trúc, cây trồng trên đất ngày 24/ 6 /2026 của UBND xã Trà Liên, Chi nhánh khu vực 10 thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng và Phòng Kinh tế xã Trà Liên để bồi thường, hỗ trợ, GPMB công trình : Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taly; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào công ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 92/PKT ngày 10/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Trà Liên V/v xây dựng giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào cổng ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số: 981/UBND – KT ngày 17/8/2026 của UBND xã Trà Liên V/v đề nghị điều chỉnh một số nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ để GPMB công trình Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co;

Căn cứ Công văn số: 8415/UBND – ĐTĐT ngày 21/8/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng V/v liên quan công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co;

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh khu vực 10 lập phương án về bồi thường, hỗ trợ bổ sung và phương án về bồi thường, hỗ trợ để GPMB để GPMB công trình: Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào cổng ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng; với các nội dung như sau:

II. KHÁI QUÁT CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co; Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản sau nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào cổng ngõ, sân bê tông; Địa điểm: xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng

2. Địa điểm: xã Trà Núi, huyện Bắc Trà My (nay là xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng)

3. Chủ đầu tư công trình: BQL các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 2046,70 m². Trong đó:

- Đất CLN: 2046,70 m²

2. Số đối tượng bị ảnh hưởng, thu hồi đất và GPMB: 04 trường hợp. Trong đó: Số hộ gia đình cá nhân: 04 hộ (03 hồ sơ đất + 01 hồ sơ vật kiến trúc, nhà ở).

3. Số đối tượng bồi thường, hỗ trợ, GPMB (bổ sung): 03 trường hợp.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

A.	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	1.098.677.000	đồng
I.	Kinh phí bồi thường	577.751.000	đồng
1.	Đất đai	73.681.000	đồng

2.	Cây cối, hoa màu	93.048.000	đồng
3.	Nhà cửa, VKT, mồ mã	411.022.000	đồng
II.	Kinh phí hỗ trợ	520.926.000	đồng
1.	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất	368.406.000	đồng
2.	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp	71.040.000	đồng
3	Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất nông nghiệp	81.480.000	đồng
4	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng	0	đồng
5	Hỗ trợ chênh lệch TĐC	0	đồng
6	Hỗ trợ di chuyển	0	đồng
7	Hỗ trợ thuê nhà ở	0	đồng
B.	Kinh phí tổ chức thực hiện	0	đồng
C.	Kinh phí trích đo địa chính	0	đồng
D.	Kinh phí giá đất cụ thể	0	đồng
E.	Chi phí Kiểm toán $(0,96\% * 50\% * (A+B))$	5.274.000	đồng
F.	Chi phí Quyết toán $(0,57\% * 50\% * (A+B))$	3.131.000	đồng
G.	Thuế kiểm toán $(10\% * E)$	0	đồng
H	Kinh phí chính lý GCNQSDĐ	0	đồng
I	Tổng kinh phí $(A+B+C+D+E+F+G+H)$	1.107.082.000	đồng
<i>Bằng chữ: Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu, không trăm tám mươi hai ngàn đồng</i>			

IV. THUYẾT MINH:

- Trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng bổ sung và đối với 04 hộ có diện tích đất thu hồi, nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng sau khi hoàn chỉnh các thủ tục hồ sơ pháp lý.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh khu vực 10 kính đề nghị UBND xã Trà Liên, Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB xã Trà Liên xem xét thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy trình, theo đúng quy định của pháp luật ./.

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cầu trúc làng và sắp xếp bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với vùng đồng bào dân tộc Co;
Hạng mục: San nền; Tường chắn và gia cố mái taluy; Hệ thống giao thông các tuyến đường nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bẩn sau nhà;
Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện và chiếu sáng; Nhà sinh hoạt cộng đồng, tường rào cổng ngõ, sân bê tông;
Địa điểm: Xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Thông báo số: /TB-CNKV 10 ngày tháng 8 năm 2026 của Chi nhánh khu vực 10

TT	HỌ VÀ TÊN	Tổng cộng	Bồi thường			Hỗ trợ						Ghi chú
			Đất đai	Cây cối	Nhà cửa, vật kiến trúc, mô mã	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp	Hỗ trợ thuê nhà ở	Hỗ trợ di chuyển	Hỗ trợ chênh lệch TĐC	
2	Nguyễn Văn Điệp	250.174.000	10.231.000	5.216.000	113.731.000	51.156.000	26.640.000	43.200.000	0	0	0	
3	Huỳnh Văn Nhung	603.253.000	49.828.000	87.832.000	177.695.000	249.138.000	17.760.000	21.000.000	0	0	0	
4	Phạm Văn Phát	119.596.000	0	0	119.596.000	0	0	0	0	0	0	
5	Phạm Văn Út	125.654.000	13.622.000			68.112.000	26.640.000	17.280.000	0	0	0	
5	Hoàng Sa	12.960.000	0	0	0	0	0	12.960.000	0	0	0	
6	Huỳnh Văn Hậu	4.320.000	0	0	0	0	0	4.320.000	0	0	0	
Tổng cộng		1.098.677.000	73.681.000	93.048.000	411.022.000	368.406.000	71.040.000	81.480.000	0	0	0	

A. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp 1.098.677.000 đồng

I. Kinh phí bồi thường 577.751.000 đồng

1. Đất đai 73.681.000 đồng

2. Cây cối, hoa màu 93.048.000 đồng

Nhà cửa, VKT, mô

3. mã 411.022.000 đồng

II. Kinh phí hỗ trợ 520.926.000 đồng

Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi

1. đất 368.406.000 đồng

Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất nông

2. nghiệp 71.040.000 đồng

3	Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất nông nghiệp	81.480.000	đồng
4	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng	0	đồng
5	Hỗ trợ chênh lệch TĐC	0	đồng
6	Hỗ trợ di chuyển	0	đồng
7	Hỗ trợ thuê nhà ở	0	đồng
B.	Kinh phí tổ chức thực hiện	0	đồng
C.	Kinh phí trích đo địa chính	0	đồng
D.	Kinh phí giá đất cụ thể	0	đồng
E.	Chi phí Kiểm toán $(0,96\% \cdot 50\% \cdot (A+B))$	5.274.000	đồng
F.	Chi phí Quyết toán $(0,57\% \cdot 50\% \cdot (A+B))$	3.131.000	đồng
G.	Thuế kiểm toán $(10\% \cdot E)$	0	đồng
H.	Kinh phí chỉnh lý GCNQSDĐ	0	đồng
I.	Tổng kinh phí $(A+B+C+D+E+F+G+H)$	1.107.082.000	đồng

Bằng chữ: Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu, không trăm tám mươi hai ngàn đồng